

Bản án: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2021

V/v ly hôn giữa chị L
và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

2. Bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Chu Thị L, sinh năm 1995, có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn U, sinh năm 1968, có mặt.

- Điều tại địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Chu Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T ngày 13/11/2012 trên cơ sở

tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh khoảng tháng 01/2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi chị đi làm công nhân tại Khu công nghiệp Đình Trám thì anh T nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng, sau đó anh T đã bỏ nhà đi làm thợ Sơn tại Thành phố Hà Nội, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Gia T1, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Hoàng Trần K, sinh ngày 20/02/2015, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T vẫn nuôi 02 con chung và ở cùng bố mẹ đẻ anh T là ông Hoàng Văn U. Chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, tức là giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/10/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Ú là bố đẻ anh Hoàng Văn T trình bày: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 115/TB-TLVA ngày 23/10/2020 và giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh Tiến có mặt tại Tòa án để giải quyết việc chị Chu Thị L xin ly hôn. Ông đã điện thoại thông báo, thì anh T nói là đã biết việc chị L xin ly hôn, nhưng anh T không về giải quyết ly hôn với chị L được. Ông đã hỏi địa chỉ ở Hà Nội nơi anh T làm thuê nhưng anh T nói làm thuê không có địa chỉ cố định. Ông Ú đã thông báo cho anh T biết giấy triệu tập của Tòa án, thông báo cho anh T biết về ngày công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải. Anh

T không về và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Do vậy Tòa án không thể tiến hành làm việc với anh Hoàng Văn T được.

Hiện tại anh T vẫn nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hoàng Gia T1, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Hoàng Trần K, sinh ngày 20/02/2015, ông là người trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng và đưa đón các cháu đi học, hàng tháng anh T vẫn gửi tiền cho vợ chồng ông khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng để nuôi hai con ăn học. Anh T đề nghị được giao con chung cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng xác định vợ chồng không có tài sản và không liên quan vay nợ chung.

Ông Hoàng Văn Ú đề nghị Tòa án giao các cháu cho anh T, ông sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, quản lý, chăm sóc giáo dục các cháu khi anh T không có mặt tại gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2020 cháu Hoàng Gia T1 trình bày:
Cháu là con của bố Hoàng Văn T và mẹ Chu Thị L, hiện cháu đang sống cùng bố và ông bà nội. Trong trường hợp bố mẹ không chung sống cùng nhau thì đề nghị Tòa án giao cháu cho bố T nuôi dưỡng, nếu cháu ở với bố sẽ đảm bảo cho việc ăn học và chăm sóc.

Tại biên bản làm việc ngày 19/11/2020 UBND xã C xác định: Anh Hoàng Văn T và chị Chu Thị L là công dân thôn Đ, xã C, huyện S, anh T chị L có 02 con chung là cháu Hoàng Gia T1 và cháu Hoàng Trần K, hai cháu đang ở cùng anh T và do bố mẹ để anh T là ông Hoàng Văn Ú chăm sóc hai cháu. Hiện chị L và anh T đều không có mặt tại địa phương, anh T không xin tạm vắng tại địa phương nên địa phương không biết được địa chỉ anh T ở đâu để cung cấp cho Tòa án được, qua thông tin từ gia đình thì anh T thì thoảng có về gia đình và đi làm thợ Sơn tại Thành phố Hà Nội.

Mức thu nhập của anh T khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng, nên anh T có đủ điều kiện nuôi hai con ăn học. Anh T và chị L đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của xã C, huyện S và là hộ Nghèo nên anh T và chị L thuộc đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý và được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà chị Chu Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hoàng Văn T được ly hôn, chị đề nghị giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Văn Ú đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, ông sẽ có trách nhiệm cùng anh T chăm sóc, quản lý các cháu khi anh T không có mặt tại gia đình. Anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Chu Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Ú thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa; tổng đạt quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia T1, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Hoàng Trấn K, sinh ngày 20/02/2015, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Hoàng Văn Ú có trách nhiệm quản lý, chăm sóc, giáo dục cháu T1 và cháu K khi anh T không có mặt tại gia đình.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị L là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo năm 2020 nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị L khoản tiền tạm nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Hoàng Văn T, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Chu Thị L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Chu Thị L kết hôn anh Hoàng Văn T ngày 13/11/2012 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có hai con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị Chu Thị L xác định mâu thuẫn phát sinh đầu tháng 01/2018, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh Hoàng Văn T nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác. Dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ cuối tháng 5/2018, chị đã bỏ đi làm công nhân ở khu công nghiệp Đình Trám và anh T đi làm thuê ở Hà Nội từ thời điểm sống ly thân, hai người không còn gặp nhau. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị L, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, xử cho chị L và anh T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn T có hai con chung là cháu Hoàng Gia T1, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Hoàng Trần K, sinh ngày 20/02/2015, hiện tại hai con chung đang ở cùng anh T, chị L đề nghị được giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Cháu T1 có nguyện vọng được giao cho anh T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt trong quá trình làm việc và tại phiên tòa nhưng bố đẻ của anh T là ông Hoàng Văn Ú hiện đang quản lý, nuôi dưỡng 02 cháu T1 và cháu K có ý kiến trình bày, anh T hàng tháng vẫn gửi tiền về cho vợ chồng ông từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để vợ chồng ông nuôi hai cháu. Anh T nhận nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, ông đề nghị Tòa án giao các con chung của anh T và chị L cho anh T nuôi dưỡng, ông sẽ có nghĩa vụ chăm sóc, quản lý và giáo dục các cháu khi anh T không có mặt tại gia đình.

Xét thấy kể từ tháng 5/2018 khi chị L và anh T sống ly thân đến nay thì cháu T1 và cháu K vẫn do anh T và bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng ổn định. Mặt khác cháu T1 có ý kiến được giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có nguyện vọng giao hai con chung cho anh T chăm sóc, ông Ú hiện đang chăm sóc, quản lý hai cháu nhận trách nhiệm quản lý giáo dục khi anh T vắng mặt tại gia đình. Để đảm bảo quyền lợi của con trẻ, cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Ú có trách nhiệm quản lý, giáo dục và chăm sóc hai cháu khi anh T

không có mặt tại gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Chu Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị L là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sinh sống tại thôn, xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động và thuộc hộ nghèo năm 2020 nên chị L được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Chu Thị L và anh Hoàng Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Gia T1, sinh ngày 26/01/2013 và cháu Hoàng Trần K, sinh ngày 20/02/2015, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Ông Hoàng Văn Ú có trách nhiệm chăm sóc, quản lý, giáo dục hai cháu khi anh T không có mặt tại gia đình.

Chị Chu Thị L có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị L.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Chu Thị L. Hoàn trả chị L số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số:

AA/2010/007244 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên